SAO Y : Ủy ban nhân dân thành phố Lai châu;13/09/2024 08:25:00 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1067 /QĐ-UBND	*Thành phố Lai Châu, ngày 12 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 12 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc Tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu) đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Bình – Địa chỉ thường trú: Bản Cắng Đắng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 06/02/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND thành phố Lai Châu Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 12 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 550/TTr-TNMT ngày 06/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Bình – Cư trú tại: Bản Cắng Đắng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 15.246.774 đồng.

(Bằng chữ: Mười lăm triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi tư đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thàng.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình bà Nguyễn Thị Bình có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thàng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Ban Quản lý dự án 2 – Bộ GTVT;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Xiêng

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc

(Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài- Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu).

(Kèm theo Quyết định số: 1067 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	**Hộ bà Nguyễn Thị Bình**				
	Địa chỉ: Bản Cắng Đắng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bằng a)				**15,246,774**
a	*Về tài sản vật kiến trúc:* Tài sản nằm trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất (Đất đã bồi thường GPMB tại dự án: Xây dựng tuyến đường San Thàng - Đông Pao đoạn Km00+420 - Km 04+ 500).Tài sản được bà Nguyễn Thị Bình tạo lập năm 2015, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				***15,246,774***
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (5,0*3,9)	m2	19.5	334,400	6,520,800
2	Cổng sắt (2,3*2,0)	m2	4.6	825,000	3,795,000
3	Khung sắt lưới B40(2,7*3,1) +(1,0*2,3)	m2	10.7	123,200	1,314,544
4	Nền BT đá răm dày 10cm (5,0*3,9)	m2	19.5	83,600	1,630,200
5	Tôn quây (3,1*3,2)*2	m2	19.8	57,000	1,130,880
6	Nhựa quây (3,1*5,0)	m2	15.5	39,700	615,350
7	Máng tôn	m2	5.0	48,000	240,000